

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 65/2019/HS-ST
Ngày 27-8-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Minh

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐST - HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Xuân T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1983 tại thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái máy xúc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02 tháng 5 năm 2019 đến nay, “có mặt”.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1941 (đã chết); cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đào Gia T, sinh năm 1942; cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Xuân T có chứng chỉ sơ cấp vận hành máy xúc, ủy do Trường Trung cấp tổng hợp Hà Nội cấp ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27 tháng 3 năm 2019, Trần Xuân T điều khiển máy xúc bánh lốp nhãn hiệu Dossan, màu vàng cam biển kiểm soát: 88LA-0295, công suất 40 KW của gia đình T từ nhà đi lên thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để sửa chữa. T điều khiển máy xúc trên đường liên xã S đi thị trấn H và đi theo hướng xã S đi trung tâm thị trấn H. Khi đi đến đoạn đường gần công trung tâm y tế huyện B thuộc tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì T nhìn thấy bà Nguyễn Thị Đ đầu đội nón, một tay xách làn nhựa, một tay chống gậy đang đi bộ dưới lòng đường phía bên phải và đi cùng chiều phía trước theo hướng đi của T và cách máy xúc của T khoảng 50 đến 60m. Lúc này T điều khiển máy xúc đi với tốc độ khoảng 5 đến 10km/h và đi gần sát mép đường bên phải theo chiều đi của T. Khi xe máy xúc của T đi cách bà Đ khoảng 25m thì T bấm còi nhưng bà Đ vẫn đi bộ dưới lòng đường không tránh và nhường đường, tưởng rằng bà Đ đã tránh vào lề đường, T chủ quan không chú ý quan sát và tiếp tục điều khiển máy xúc đi thẳng gần sát mép đường bên phải với tốc độ khoảng 5 đến 10km/h, khi bánh trước bên phải máy xúc của T đi đến sát bà Đ, chỉ còn cách khoảng 1-2m T mới phát hiện bà Đ vẫn đi bộ dưới lòng đường nên không kịp xử lý, bánh trước bên phải của máy xúc T điều khiển đã đâm vào phía sau phần sườn bên trái bà Đ làm bà Đ ngã ra đường bị bánh trước bên phải máy xúc chèn vào phần hông và chân làm bà Đ bất tỉnh. Sau đó T lùi xe lại rồi cùng mọi người đưa bà Đ vào Trung tâm y tế huyện B cấp cứu, sau đó chuyển xuống bệnh viện đa khoa khu vực P, do chấn thương nặng nên bà Đ tử vong vào hồi 10 giờ cùng ngày.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và khám các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra Quyết định số 204 trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc xác định nguyên nhân tử vong của bà Nguyễn Thị Đ. Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số 48/TT ngày 09/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của bị hại Nguyễn Thị Đ là do “Sốc mất máu không hồi phục/đa chấn thương”.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã thăm hỏi, động viên và tự nguyện bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Đào Gia T (chồng bà Đ) đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

Ngày 08/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại chiếc máy xúc nhãn hiệu Doosan biển kiểm soát 88LA-0295 cho bị cáo Trần Xuân T.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSBX ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1, 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 03 năm. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Đào Gia T (chồng của bị hại) không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Về bồi thường dân sự, ông T xác nhận đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng do bị cáo Thủy bồi thường. Ông không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, cụ thể: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại đoạn đường liên xã S đi thị trấn H, huyện B, gần cổng Trung tâm y tế huyện B thuộc tổ dân phố Chợ C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Xuân T (có chứng chỉ sơ cấp vận hành máy xúc, ủi) điều khiển xe máy xúc nhãn hiệu Dossan màu vàng cam biển kiểm soát 88LA-0295, công suất 40KW (là xe máy chuyên dùng) tốc độ không đảm bảo an toàn, không chú ý quan sát đã đâm vào bà Nguyễn Thị Đ đang đi bộ bên phải đường phía trước cùng chiều với máy xúc T điều khiển. Hậu quả làm bà Đ tử vong.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định nguyên nhân tử vong của bị hại. Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) Làm chết người”.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo điều khiển phương tiện là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông nhưng đã không tuân thủ quy định về an toàn giao thông đường bộ, vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ quy định: “1. Người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường...” và khoản 5 Điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định: “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:...5. Qua khu vực có...bệnh viện..”, gây hậu quả nghiêm trọng làm một người chết.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ và gây thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy:

Bị cáo T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội với lỗi vô ý. Sau khi gây hậu quả đã tích cực thăm hỏi, động viên đồng thời tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Trần Xuân T là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mặt khác, trong vụ án này nguyên nhân xảy ra tai nạn cũng có một phần lỗi của bị hại tham gia giao thông vi phạm khoản 1 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ: “1. Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường,...”. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành một công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T có nghề nghiệp chính là lái máy xúc, ủi nên xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái máy xúc, ủi một thời gian đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra bị cáo và bị đơn dân sự đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản, chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại tổng số tiền 80.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Đào Gia T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm về dân sự nên cần xác nhận.

Đối với chiếc máy xúc nhãn hiệu Doosan biên kiểm soát: 88LA-0295 của bị cáo Trần Xuân T. Ngày 08/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại xe cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa về tội danh cũng như mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Xuân T cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo T hành nghề lái máy xúc, ủi trong thời hạn 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015

Xác nhận bị cáo Trần Xuân T đã bồi thường thiệt hại tính mạng, tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Đào Gia T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo T 01 chứng chỉ sơ cấp số 0192 do Trường Trung cấp tổng hợp Hà Nội cấp ngày 25 tháng 6 năm 2018 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái máy xúc, ủi (Chứng chỉ nêu trên do Tòa án đang lưu giữ).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc bị cáo Trần Xuân T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Viện KSND H.B;
- CQĐT - Công an H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND TT.H
- Bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Vũ

